

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK,
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/HS-ST
Ngày: 31/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK, THÀNH PHỐ CT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Hồng L**

2. Bà **Nguyễn Thị T H**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Võ An T** – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK, thành phố CT tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị D** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 133/2020/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P (Tên gọi khác 6 V) (có mặt)

Sinh năm 1981 Nơi sinh: CT.

Đăng ký thường trú: 870, tổ 1, khu vực 1, P. HP, Q. CR, TP. CT.

Nơi cư trú: 34B, tổ 40, khu vực 6, P. HP, Q. CR, TP. CT.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam.

Họ và tên cha: Nguyễn Văn P (chết)

Họ và tên mẹ: Phạm Thị L sinh năm 1954 (sống).

Anh chị em có 06 người lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1995.

Vợ: Đào Thị T T sinh năm 1988.

Con: Nguyễn P S sinh năm 2011.

Tiền án: 02 lần.

+ Lần 1: Ngày 17/10/2000 bị Tòa án nhân dân tỉnh CT xử phạt 03 năm tù về tội “cướp tài sản của công dân”.

+ Lần 2: Ngày 11/01/2005 bị Tòa án nhân dân quận NK xử phạt 07 năm tù về tội “cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2011, chưa đóng án phí.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an quận NK.

2. Đào Thị T T (Tên gọi khác T) (có mặt)

Sinh năm 1988 Nơi sinh: CT.

Nơi cư trú: 34B, tổ 40, khu vực 6, P. HP, Q. CR, TP. CT.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12.

Dân tộc: Khome Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam.

Họ và tên cha: Đào T H sinh năm 1962 (sống)

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H sinh năm 1964 (sống).

Anh chị em có 01 người sinh năm 1990.

Chồng: Nguyễn Văn P sinh năm 1981.

Con: 02 người lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an quận NK.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Phạm Văn P T sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 107/99E, Hoàng Văn Thụ, P. AC, Q. NK, TP. CT.

Lê Trường A sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: 3/6B, Tầm Vu, P. Xuân Khánh, Q. NK, TP. CT.

Người chứng kiến:

Nguyễn Xuân Đ sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: 151/69A, Trần Hoàng Na, P. HL, Q. NK, TP. CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 05 phút ngày 21/02/2020, Công an phường HL, quận NK nhận tin báo qua điện thoại từ người dân báo tin có 02 người đi trên xe mô tô Exciter màu trắng, biển số 65B1-992.07 bán ma túy cho các tụ điểm Karaoke trên đường Lê Bình. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an quận NK kết hợp Công an phường HL tuần tra trên các tuyến đường thuộc phường HL, quận

NK. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày lực lượng tuần tra phát hiện 01 người nam đang điều khiển xe mô tô biển số 65B1-992.07 chở theo người phụ nữ đang lưu thông trên đường Lê Bình, phường HL như mô tả của người dân. Lực lượng Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra, lúc này đối tượng nam dừng xe và ném xuống đường 01 gói nilon không màu, chứa tinh thể không màu (nghĩ là ma túy) nên lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn P và Đào Thị T T. Thu giữ tang vật gồm: 01 gói nilon không màu hàn kín bên trong chứa tinh thể không màu (thu trên nền đường); 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 biển số 65B1-992.07; 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại Samsung màu hồng; Tiền Việt Nam 4.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám Đ số: 74/KL - PC09 ngày 27/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố CT kết luận: Tinh thể không màu trong gói nilon gửi giám Đ được niêm phong có chữ ký ghi tên Đào Thị T T, là **ma túy**, khối lượng **0,4715 gam**, loại **Methamphetamine**.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn P, Đào Thị T T thừa nhận: Số ma túy bị thu giữ là của P và T đang trên đường đi giao bán cho người nghiện tên Đ với giá 500.000 đồng nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang. P và T đã bán cho đối tượng tên Đ trước đó 03 lần, bán cho Lê Trường A 03 lần, bán cho đối tượng tên T 02 lần, mỗi lần giá 200.000 đồng. Khi người nghiện cần mua ma túy thì liên lạc với P hoặc T qua điện thoại, P và T trực tiếp giao bán ma túy. P và T mua ma túy của đối tượng tên Bảy (không rõ họ tên, địa chỉ) ở phường AP, quận NK về chia nhỏ để bán cho người nghiện để thu lợi bất chính và ma túy dư ra cho P sử dụng. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là 2.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 65B1-992.07, bị cáo P mua của anh Phạm Văn P T địa chỉ: 107/99E, Hoàng Văn Thụ, P. AC, Q. NK, TP. CT nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Ngày 21/02/2020 bị cáo P và T sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để mua bán trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng tên Bảy bán trái phép chất ma túy cho bị cáo do bị cáo khai chưa rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận NK sẽ xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận NK đã thông báo về địa phương để quản lý người nghiện đối với Lê Trường A.

Tại phiên tòa:

Bị cáo P thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho vợ của bị cáo là bị cáo T.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm về với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã nêu trong cáo trạng số 134/CT-VKS ngày 23/7/2020 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến. Các bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Số tiền các bị cáo đã thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính các bị cáo sử dụng chi xài trong gia đình. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tình hình an ninh trật tự địa phương. Nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

- *Đối với bị cáo P:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo từ **09** năm đến **10** năm tù giam.

Hình phạt bổ sung: Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- *Đối với bị cáo T:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo từ **07** năm đến **09** năm tù giam.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số 74/KL-PC09 ngày 27/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố CT.

+ Tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 biển số 65B1-992.07 các bị cáo dùng làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại Samsung màu hồng các bị cáo sử dụng liên hệ giao dịch bán ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ 2.000.000 đồng bị cáo P và T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

+ Trả lại cho bị cáo P và T 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Trong quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan Công an và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn P T xin vắng mặt, Lê Trường A và người chứng kiến được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát không ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết trong vụ án nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] *Về trách nhiệm hình sự:* Lời khai nhận tội của bị cáo P và T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/02/2020, tại trước số 180 đường Lê Bình, phường HL, quận NK, TP. CT, bị cáo Nguyễn Văn P và Đào Thị T T đang trên đường đi giao bán trái phép ma túy cho người nghiện tên Đ nhưng chưa bán được thì bị bắt quả tang, thu giữ tang vật. Tại kết luận giám Đ số: 74/KL – PC09 ngày 27/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố CT đã kết luận ma túy có khối lượng **0,4715 gam**, loại **Methamphetamine**. Các bị cáo thừa nhận mua ma túy của đối tượng Bảy (không rõ họ tên, địa chỉ) ở phường AP, Q. NK, TP. CT về chia nhỏ bán cho người nghiện mục đích để thu lợi bất chính và còn dư để bị cáo P sử dụng. Khi người nghiện cần mua ma túy của các bị cáo thì liên hệ với bị cáo P hoặc T qua điện thoại, bị cáo P và T trực tiếp đi giao ma túy cho người nghiện.

Bị cáo P và T thống nhất khai nhận bị cáo P đã mua ma túy 03 lần và P trực tiếp đi bán ma túy cho Trường A 02 lần, cho T 02 lần, 01 lần cho người nam ở cầu Quang Trung, Đ 02 lần và lần thứ 3 giao cho Đ đi cùng T thì bị bắt. T cùng P đi bán ma túy cho Nghĩa 01 lần, T bán ma túy cho Trường A 01 lần. Trong quá trình điều tra Trường A thừa nhận có mua ma túy của P (6 Viên) 03 lần mỗi lần 200.000 đồng, cách thức giao dịch qua điện thoại, sau đó bị cáo P (6 Viên) trực tiếp giao ma túy 02 lần, bị cáo T (Trúc) giao 01 lần. Nội dung biên bản ghi lời khai, biên bản đối chất giữa bị cáo P và Trường A, bị cáo T và Trường A và lời khai tại phiên tòa là phù hợp. Có cơ sở xác Đ bị cáo P và T đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo P khai nhận thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 1.200.000 đồng và dư ma túy sử dụng. Trong khi đó bị cáo T khai nhận tiền bán ma túy P đưa T cất giữ để chi xài trong gia đình, bị cáo T thừa nhận trong 4.000.000 đồng thu giữ có 2.000.000 đồng là tiền bán ma túy. Vì vậy, có căn cứ xác Đ số tiền bị cáo P và T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 2.000.0000 đồng.

Bị cáo P có 02 tiền án, trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do đó tội phạm và hình phạt được áp dụng tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 đối với hành vi phạm tội của bị cáo P. Hành vi phạm tội của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận NK đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Pháp luật nghiêm cấm việc mua bán trái phép các chất ma túy. Tác hại của ma túy từ lâu đã được tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, bị cáo P và T biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng tình hình trật tự tại địa phương. Do đó, cần một hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Đồng thời cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo P và T đã thành khẩn khai báo, ăn

năn hồi cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017.

* *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 cần phạt bị cáo P 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[5] Đối với đối tượng tên Bầy bán trái phép chất ma túy cho bị cáo P quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Đối với người nghiện Lê Trường A Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận NK đã thông báo về địa phương để quản lý người nghiện nên không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

- Gởi niêm phong số 74/KL-PC09 ngày 27/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố CT là hàng cấm nên phải tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 biển số 65B1-992.07 bị cáo P và T thống nhất khai nhận mua của Phạm Văn P T địa chỉ 10/99E, Hoàng Văn Thụ, P. AC, Q. NK, TP. CT nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Trong quá trình điều tra cũng như tại đơn xin vắng mặt Phạm Văn P T xác nhận đã bán cho bị cáo và không có yêu cầu gì. Bị cáo P và T sử dụng xe mô tô này làm phương tiện để mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, xe mô tô biển số 65B1-992.07 là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu và sung công quỹ nhà nước.

- Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại Samsung màu hồng các bị cáo sử dụng liên hệ giao dịch bán ma túy.

- Tịch thu sung quỹ số tiền 2.000.000 đồng bị cáo P và T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

- Trả lại cho bị cáo P và T 2.000.000 đồng.

[7] *Về án phí*:

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đào Thị T T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn P, Đào Thị T T** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng: Điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P **09 năm** tù giam, thời hạn phạt tù tính kể từ ngày 21/02/2020.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Nguyễn Văn P 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị T T **07 năm** tù giam, thời hạn phạt tù tính kể từ ngày 21/02/2020.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 gói niêm phong số 74/KL-PC09 ngày 27/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố CT.

+ Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động Nokia màu đen; 01 điện thoại Samsung màu hồng bị cáo sử dụng liên hệ giao dịch bán ma túy; số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) bị cáo P và T thu lợi bất chính từ việc bán ma túy; 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 biển số 65B1-992.07 là phương tiện để mua bán trái phép chất ma túy.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P, Đào Thị T T 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2020 giữa Công an quận NK và Chi cục Thi hành dân sự NK và biên lai thu số 005483 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, TP CT).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
Bị cáo Đào Thị T T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố CT giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. CT;
- VKSND Q. NK;
- Công an Q. NK;
- Chi cục THADS Q. NK;
- Sở Tư pháp TP. CT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ T